AVOCADO

ĐẠT TIÊU CHUẨN IP66

CHỨC NĂNG EPS

-20°C ~ 55°C

95% DOD



Được cung cấp bởi Fox ESS

TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

P100

Giải pháp hệ thống lưu trữ năng lượng thế hệ mới với bộ biến tần/sạc tích hợp hoàn toàn và sở hữu nhiều tính năng tiên tiến.

5kW ···» **30kW**

10kWh ···» **30kWh**

Off-Grid



Giám sát hệ thống nâng cao
với FoxCloud **V2.0**

Để biết thêm thông tin về dòng sản phẩm Fox ESS, vui lòng truy cập:
www.fox-ess.com

P100

HỆ THỐNG LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG

HỆ THỐNG LƯU TRỮ TÍCH HỢP HOÀN TOÀN

Giải pháp tích hợp liền mạch, thực sự tất cả trong một.

ÍT MÀ CHẤT

Thiết kế tinh tế, tối giản giúp lắp đặt dễ dàng chỉ trong một bước.

KHẢ NĂNG DỰ PHÒNG NGOÀI LƯỚI KÉP

Hệ thống đã chịu quá tải 200% trong 10 giây.

4MS

Hỗ trợ chuyển đổi song song ngoài lưới trong 4ms.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MẪU		P100-5-H	P100-6-H	P100-7-H	P100-8-H	P100-9-H	P100-10-H
ĐẦU VÀO PV (CHỈ DÀNH CHO HYBRID)							
Công suất PV tối đa [Wp]		16000	16000	20000	20000	20000	20000
Công suất đầu vào tối đa [W]		15000	16000	17000	18000	19000	20000
Công suất đầu vào MPPT tối đa [W]		8000/8000	8000/8000	8000/8000/8000	8000/8000/8000	8000/8000/8000	8000/8000/8000
Điện áp đầu vào tối đa [V]		600					
Điện áp khởi động đầu vào [V]		75					
Điện áp định mức đầu vào [V]		360					
Dải điện áp hoạt động MPPT [V]		80 ~ 550					
Dòng đầu vào tối đa [A]		20/20	20/20	20/20/20	20/20/20	20/20/20	20/20/20
Dòng ngắn mạch tối đa [A]		25/25	25/25	25/25/25	25/25/25	25/25/25	25/25/25
Số lượng bộ theo dõi MPPT		2	2	3	3	3	3
Số chuỗi trên mỗi bộ theo dõi MPPT		1					
KẾT NỐI PIN							
Loại pin		LFP ($LiFePO_4$)					
Dung lượng pin [kWh]		10.24					
Độ sâu xả [%]		95					
Chu kỳ tuổi thọ		6000					
ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA AC (LƯỚI ĐIỆN)							
Đầu ra	Công suất định mức [W]	5000	6000	7000	8000	9000	10000
	Công suất biểu kiến định mức [VA]	5000	6000	7000	8000	9000	10000
	Công suất biểu kiến tối đa [VA]	5500	6600	7700	8800	9900	11000
	Dòng ra định mức (mỗi pha) [A]	22.7	27.3	31.8	36.4	40.9	45.5
	Dòng AC tối đa (mỗi pha) [A]	25.0	30.0	35.0	40.0	45.0	50.0
	THDi [%]	<3 @ công suất định mức					
Đầu vào	Công suất biểu kiến tối đa [VA]	6000	7200	8400	9600	10800	12000
	Dòng vào tối đa [A] (mỗi pha)	27.3	32.7	38.2	43.6	49.1	54.5
Đầu ra & Đầu vào	Điện áp định mức [V]	220/230/240, L/N/PE					
	Tần số định mức [Hz]	50/60, ±5					
	Hệ số công suất	1 (Có thể điều chỉnh từ 0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha)					
	Dòng khởi động [A]	15 @0.5ms					
ĐẦU RA EPS							
Công suất biểu kiến tối đa [VA]		5000	6000	7000	8000	9000	10000
Công suất biểu kiến đỉnh [VA]		6000@60s	7200@60s	8400@60s	9600@60s	10800@60s	12000@60s
		7500@30s	9000@30s	10500@30s	12000@30s	13500@30s	15000@30s
		10000@10s	12000@10s	14000@10s	16000@10s	18000@10s	20000@10s
Điện áp danh định [V]		220/230/240					
Tần số danh định [Hz]		50/60					
Dòng ra tối đa (mỗi pha) [A]		22.7@220V	27.3@220V	31.8@220V	36.4@220V	40.9@220V	45.5@220V
Hệ số công suất		1 (Có thể điều chỉnh)					
Thời gian chuyển mạch [ms]		<4					
Tổng biến dạng điện áp (THDV) [%]		<3 @ Tải tuyến tính					
Vận hành song song		Có @ tối đa 3 cái					
HIỆU SUẤT							
Hiệu suất chuyển đổi tối đa [%]		97.60					
Hiệu suất châu Âu [%]		97.20					
Hiệu suất sạc pin tối đa (từ PV đến pin) @ tải đầy [%]		97.30					
Hiệu suất sạc/xả pin tối đa (từ pin đến AC) @ tải đầy [%]		96.40					
BẢO VỆ							
Giám sát cách điện		Có					
Giám sát dòng dư		Có					
Bảo vệ đảo cực DC		Có					
Bảo vệ chống đảo lưới		Có					
Bảo vệ ngắn mạch AC		Có					
Bảo vệ quá dòng/quá áp AC		Có					
Công tắc DC		Có					
Phân loại quá áp		DC: Loại II / AC: Loại II					
Bảo vệ AFCI		Có					
DỮ LIỆU CHUNG							
Kích thước (R*C*S) [mm]		584*1009*197					
Trọng lượng [kg]		113					
Lắp đặt		Lắp đặt trên sàn / treo tường					
Phương pháp làm mát		Làm mát bằng không khí thông minh					
Độ ồn [dB]		<45, trung bình					
Độ cao vận hành tối đa [m]		<4000@Giảm công suất khi vượt quá 2000m					
Phạm vi nhiệt độ hoạt động [°C]		-20 ~ 55					
Độ ẩm (không ngưng tụ) [%]		0 ~ 100					
Mức bảo vệ xâm nhập		IP66					
Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ [W]		<20					
Mô-đun giám sát		WiFi, LAN, 4G					
Giao diện truyền thông		Ethernet, EMS (RS485), Công tơ, WiLAN (WiFi + LAN + Bluetooth), 4G (Tùy chọn), DRM, Điều khiển sóng, USB, BMS (CAN), SG Ready					
Màn hình		LED, LCD, Ứng dụng, Trang web					
Hỗ trợ mở rộng EPS kép		CÓ					
TUÂN THỦ TIÊU CHUẨN (NHIỀU HƠN CÓ THỂ CUNG CẤP THEO YÊU CẦU)							
An toàn		EN/IEC 62109-1, EN/IEC 62109-2, EN/IEC62477-1,EN/IEC 62040(AU)					
EMC		EN IEC 61000-6-1:2019, EN IEC 61000-6-3:2021, EN IEC 61000-6-2:2019, EN IEC 61000-6-4:2019, IEC 62920:2017					
RED		EN 50665:2017, ENIEC 62311:2020, EN 301 489-1 V2.2.3 (2019-11), EN 301 489-17 V3.2.4 (2020-09), EN 300 328 V2.2.2(2019-07), EN 55032:2015+A11:2020+A1:2020, EN 55035:2017+A11:2020					
Quy định lưới điện		G99, CEI 0-21, AS/NZS 4777.2:2020, NRS 097-2-1, IEC 61727, EN 50549-1, P140/P515					
Quy định pin		IEC62619:2022					
Vận chuyển		UN 38.3					
Môi trường		ROHS, REACH, WEEE					